

Bản án số: **98/2020/DS-PT**

Ngày 21/7/2020

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Sanh Hiên
Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 và 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện VTh, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐA. Địa chỉ: 130 PDL, P3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa:

Ông Trần Văn S - Trưởng phòng phát triển kinh doanh - Ngân hàng TMCP ĐA, chi nhánh Quận X (Có mặt tại phiên tòa ngày 30/6/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 21/7/2020).

Ông Nguyễn H - Trưởng phòng pháp chế - Ngân hàng TMCP ĐA (Có mặt tại phiên tòa ngày 21/7/2020).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Khu phố VP2, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp K2A, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp K2, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, chị Gi, anh D: Ông Phạm Đình Th, sinh năm: 1959. Địa chỉ: 29/17 MĐC, phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐA (gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện tham gia tố tụng trình bày:

- *Phần của anh Nguyễn Văn V:* Anh V có ký hợp đồng thấu chi số 128/TC-01/2012 ngày 10/5/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 10/5/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng. Tính đến ngày 27/11/2019 anh V còn nợ Ngân hàng vốn 898.354.248 đồng, lãi trong hạn 66.773.470 đồng, lãi quá hạn 1.826.533.834 đồng, tổng cộng 2.791.661.552 đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị anh V thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

- *Phần của chị Nguyễn Thị Gi:* Chị Gi có ký hợp đồng thấu chi số 163/TC-01/2012 ngày 27/6/2012, tổng hạn mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,55% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 27/6/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng. Tính đến ngày 27/11/2019 chị Gi còn nợ Ngân hàng vốn 895.759.884 đồng, lãi trong hạn 49.784.202 đồng, lãi quá hạn 1.627.237.390 đồng, tổng cộng 2.572.781.476 đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị chị Gi thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

- *Phần của anh Nguyễn Văn D:* Anh D có ký hợp đồng thấu chi số 122/TC-01/2012 ngày 26/4/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 26/4/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng. Tính đến ngày 27/11/2019 anh D còn nợ Ngân hàng vốn 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.149.683 đồng, lãi quá hạn 1.840.590.000 đồng, tổng cộng 2.812.739.683 đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị anh D thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

Đồng bị đơn anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Gi, anh Nguyễn Văn D do người đại diện trình bày:

Anh V, chị Gi, anh D có mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP ĐA với tổng số cổ phần của mỗi người là 100.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Như vậy cổ phần của anh V, chị Gi, anh D tương đương với số tiền của mỗi người là 1.000.000.000 đồng. Ngân hàng căn cứ đề nghị cấp hạn mức thấu chi 90% trên tổng số cổ phần đang sở hữu của mỗi người. Như vậy đây là hợp đồng vay vốn thấu chi có thể chấp, chứ không phải tín chấp. Trên giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi của anh V, chị Gi, anh D có ghi rõ trên cơ sở của 100.000 cổ phần. Ngân hàng tự trích lãi từ các cổ phần để thu hồi nợ nếu anh V, chị Gi, anh D không trả thấu chi đúng hạn.

Các hợp đồng vay thấu chi của ông V, bà Gi, ông D đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng thấu chi đã vi phạm quy định các Tổ chức tín dụng, trên cơ sở không được phép cấp tín dụng đảm bảo bằng chính cổ phiếu của Ngân hàng phát hành.

Do đó, anh V, chị Gi, anh D đề nghị trả lại nợ vốn của mỗi người, không đồng ý trả lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA với anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Gi, anh Nguyễn Văn D đã hết.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA; buộc anh Nguyễn Văn V trả số nợ vốn còn lại là 898.354.248 đồng (*Tám trăm chín mươi tám triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng*); buộc chị Nguyễn Thị Gi trả số nợ vốn còn lại là 895.759.884 đồng (*Tám trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng*); buộc anh Nguyễn Văn D trả số nợ vốn còn lại là 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V, chị Gi, anh D chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số nợ chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với anh Nguyễn Văn V số tiền lãi là 1.893.307.304 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi ba triệu ba trăm lẻ bảy nghìn ba trăm lẻ bốn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với chị Nguyễn Thị Gi số tiền

lãi là 1.677.021.592 đồng (*Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm chín mươi hai đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với anh Nguyễn Văn D số tiền lãi là 1.912.739.683 đồng (*Một tỷ chín trăm mười hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/12/2019, nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐA có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm, buộc các bị đơn phải thanh toán toàn bộ các khoản vay gốc và lãi cho Ngân hàng do khoản vay tín dụng trong hợp đồng đã chuyển sang nợ quá hạn nên không xác định thời hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Ngân hàng tham gia tố tụng giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án hợp lệ, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP ĐA có ký kết hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ với anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Gi, anh Nguyễn Văn D, việc này được người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của anh V, chị Gi, anh D thừa nhận, nên Tòa án

cấp sơ thẩm buộc anh V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 898.354.248 đồng, buộc chị Gi phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 895.759.884 đồng, buộc anh D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đông Á là ông Lê Hoàng Chương Q không yêu cầu vợ anh V, vợ anh D và chồng chị Gi liên đới trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền vay gốc và lãi. Nhưng tại cấp phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP ĐA là ông Trần Văn S yêu cầu anh V cùng vợ là chị Dương Mỹ Y, anh D cùng vợ chị Nguyễn Thị Kim V, chị Giang cùng chồng phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền gốc và lãi. Sau đó, tại phiên tòa vào ngày 21/7/2020, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đông Á là ông Nguyễn Ho lại thay đổi, chỉ yêu cầu anh V, anh D, chị Gi trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Còn người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là ông Phạm Đình Th cho rằng hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ giữa Ngân hàng TMCP ĐA với anh V, anh D, chị Gi là hợp đồng vay có thể chấp, được thể hiện tại giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi với nội dung anh V, anh D, chị Gi đồng ý để Ngân hàng thực hiện đối với 100.000 cổ phần là vi phạm Luật các Tổ chức tín dụng, hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ là bản photocopy có dấu sao y của Ngân hàng, không được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ anh D, vợ anh V, chồng chị Gi tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại.

Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng đã thay đổi yêu cầu, nhưng người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn vẫn yêu cầu vợ anh D, vợ anh V, chồng chị Gi liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh chị Gi hiện nay có chồng hay chưa, nếu có chồng thì phải đưa chồng của chị Gi, vợ anh Đình là chị Nguyễn Thị Kim V, vợ anh Vẽ là chị Dương Thị Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là mới đảm bảo đúng quy định về tố tụng.

Còn đối với việc người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn cho rằng Ngân hàng cung cấp hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ để khởi kiện là bản photocopy có dấu sao y của Ngân hàng, không được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng. Bởi vì, khi

xem xét hồ sơ vụ án, thì Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm là hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ và các giấy tờ kèm theo như Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi, Ủy nhiệm chi đều được chứng thực bản sao đúng với bản chính của Ủy ban nhân dân phường NTB, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định. Vì vậy, trình bày của người đại diện của bị đơn là không thỏa đáng.

Do đó, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐA, chấp nhận một phần đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ngân hàng TMCP ĐA không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP ĐA.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang về việc “Tranh chấp đòi tài sản” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐA với đồng bị đơn anh Nguyễn Văn Vẽ chị Nguyễn Thị Gi, anh Nguyễn Văn D. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tiền tạm ứng án phí được xử lý khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006295 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VTh, tỉnh Kiên Giang (Do Quách Thanh Ng nộp thay).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quang Tấn